



BẢNG GIÁ DỰ THẦU LẦN 01

(Gọi thầu 01) - PPPL/10.20/HSG – Mở thầu ngày 29 tháng 09 năm 2020)

Bên Dự thầu:

Tên đơn vị/cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

LÔ	STT	Tên hàng hóa	Nơi nhận hàng	Tiền bảo lãnh dự thầu (triệu đồng/lô)	Số lượng chốt bán theo lô (tấn)	Số lượng bao tiêu (ước tính/tháng)		Đơn giá bỏ thầu lần 01 gồm VAT 10% (VNĐ/KG)
						Min (tấn)	Max (tấn)	
1	1	Thép cán nguội Pubcoil - Lô 100 tấn	Phú Mỹ	90	100			
	2	Thép cán nguội Pubcoil - Lô 150 tấn	Phú Mỹ	140	150			
	3	Thép cán nguội Pubcoil - Lô 200 tấn	Phú Mỹ	180	200			
	4	Thép cán nguội Pubcoil - Lô 350 tấn	Phú Mỹ	320	350			
	5	Thép cán nguội Pubcoil - Lô 400 tấn	Phú Mỹ	360	400			
	6	Thép cán nguội Pubcoil - Lô 500 tấn	Phú Mỹ	450	500			
	7	Thép cán nguội Pubcoil - Lô 700 tấn	Phú Mỹ	630	700			
	8	Thép cán nguội Pubcoil - Lô 1000 tấn	Phú Mỹ	900	1,000			
	9	Thép cán nguội Pubcoil - Lô 100 tấn	Bình Định - Nhơn Hội	80	100			
	10	Thép cán nguội Pubcoil - Lô 150 tấn	Bình Định - Nhơn Hội	130	150			
	11	Thép cán nguội Pubcoil - Lô 250 tấn	Bình Định - Nhơn Hội	210	250			
	12	Thép cán nguội Pubcoil - Lô 400 tấn	Bình Định - Nhơn Hội	330	400			
	13	Thép cán nguội Pubcoil - Lô 100 tấn (Khách hàng tự bốc hàng lên xe)	Nghệ An - Đông Hải	80	100			
	14	Thép cán nguội Pubcoil - Lô 150 tấn (Khách hàng tự bốc hàng lên xe)	Nghệ An - Đông Hải	120	150			
	15	Thép cán nguội Pubcoil - Lô 200 tấn (Khách hàng tự bốc hàng lên xe)	Nghệ An - Đông Hải	160	200			
	16	Thép cán nguội Pubcoil - Lô 250 tấn (Khách hàng tự bốc hàng lên xe)	Nghệ An - Đông Hải	200	250			
	17	Thép cán nguội Pubcoil - Lô 300 tấn (Khách hàng tự bốc hàng lên xe)	Nghệ An - Đông Hải	240	300			
	18	Thép cán nguội Pubcoil - Lô 400 tấn (Khách hàng tự bốc hàng lên xe)	Nghệ An - Đông Hải	320	400			
2		Biên thép cán nguội	Phú Mỹ	110		100	150	
3	1	Biên thép kèm lạnh - Lô 50 tấn	VLXD Phú Mỹ	30	50			
	2	Biên thép kèm lạnh - Lô 70 tấn	VLXD Phú Mỹ	50	70			
	3	Biên thép kèm lạnh - Lô 80 tấn	VLXD Phú Mỹ	60	80			
	4	Biên thép kèm lạnh - Lô 100 tấn	VLXD Phú Mỹ	70	100			
4		Biên thép kèm lạnh	MTV Phú Mỹ	20		30	35	
5		Biên thép kèm lạnh	Phú Mỹ	10		10	20	
6		Biên thép kèm lạnh	Bình Định - Nhơn Hội	70		80	100	

LÔ	STT	Tên hàng hóa	Nơi nhận hàng	Tiền bảo lãnh dự thầu (triệu đồng/lô)	Số lượng chốt bán theo lô (tấn)	Số lượng bao tiêu (ước tính/tháng)		Đơn giá bỏ thầu lần 01 gồm VAT 10% (VND/KG)
						Min (tấn)	Max (tấn)	
7		Biên thép kèm lạnh (Nhà máy hỗ trợ lên hàng)	Nghệ An - Đông Hải	40		30	60	
8		Biên thép kèm lạnh	Hà Nam	30		35	40	
9		Tôn tấm thứ phẩm các loại có độ dày < 0.57mm	Phú Mỹ	100		50	100	
10		Tôn tấm thứ phẩm các loại có độ dày < 0.57mm (90% hàng có độ dày < 0.57mm)	Bình Định - Nhơn Hội	140		100	150	
11		Tôn tấm thứ phẩm các loại (70 - 80% hàng < 0.57, 20 - 30% hàng ≥ 0.57) dạng tấm, khách hàng sẽ phải tự bốc tay lên xe. Dạng cuộn, nhà máy hỗ trợ lên hàng	Nghệ An - Đông Hải	30		15	30	
12		Tôn tấm thứ phẩm các loại có độ dày ≥ 0.57mm	Phú Mỹ	20		20	30	
13		Tôn tấm thứ phẩm các loại (tấm đầu vào)	VLXD Phú Mỹ	20		16	20	
14		Tôn tấm (dạng bao bì)	VLXD Phú Mỹ	10		5	10	
15		Tôn tấm (dạng bao bì)	Hà Nam	10		10	15	
16	1	Tôn thép thứ phẩm các loại - Lô 100 tấn	Phú Mỹ	70	100			
	2	Tôn thép thứ phẩm các loại - Lô 150 tấn	Phú Mỹ	100	150			
	3	Tôn thép thứ phẩm các loại - Lô 200 tấn	Phú Mỹ	140	200			
17	1	Tôn thép thứ phẩm các loại - Lô 50 tấn (Nhà máy hỗ trợ lên hàng)	Nghệ An - Đông Hải	30	50			
	2	Tôn thép thứ phẩm các loại - Lô 150 tấn (Nhà máy hỗ trợ lên hàng)	Nghệ An - Đông Hải	100	150			
18		Tôn thép thứ phẩm các loại	Bình Định - Nhơn Hội	70		100	120	
19		Tôn thép thứ phẩm các loại	VLXD Phú Mỹ	40		45	55	
20		Tôn thép thứ phẩm các loại	MTV Phú Mỹ	10		8	11	
21		Tôn thép thứ phẩm các loại	Bình Định - Nhơn Hòa	10		5	10	
22		Tôn thép thứ phẩm các loại	Nghệ An - Nam Cẩm	20		10	30	
23		Tôn thép thứ phẩm các loại	Hà Nam	10		10	15	
24		Sắt thép thứ phẩm cơ khí	Phú Mỹ	10		10	20	
25		Sắt thép thứ phẩm cơ khí	Bình Định - Nhơn Hòa	2		1	4	
26	1	Tôn lạnh, tôn kèm thứ phẩm có độ dày < 0.57 mm (bao gồm cả hàng có lõi sắt < 100kg) - Lô 100 tấn	Phú Mỹ	130	100			
	2	Tôn lạnh, tôn kèm thứ phẩm có độ dày < 0.57 mm (bao gồm cả hàng có lõi sắt < 100kg) - Lô 150 tấn	Phú Mỹ	190	150			
27	1	Tôn lạnh, tôn kèm thứ phẩm có độ dày < 0.57 mm (bao gồm cả hàng có lõi sắt < 100kg) - Lô 100 tấn (Nhà máy hỗ trợ lên hàng)	Nghệ An - Đông Hải	130	100			
	2	Tôn lạnh, tôn kèm thứ phẩm có độ dày < 0.57 mm (bao gồm cả hàng có lõi sắt < 100kg) - Lô 150 tấn (Nhà máy hỗ trợ lên hàng)	Nghệ An - Đông Hải	200	150			
28		Tôn lạnh, tôn kèm thứ phẩm có độ dày < 0.57mm (70% hàng > 2 tấn, bao gồm lõi sắt < 100kg). Hàng bong tróc, nhám ố, rách biên nặng.	Phú Mỹ	20	22.51			

LÔ	STT	Tên hàng hóa	Nơi nhận hàng	Tiền bảo lãnh dự thầu (triệu đồng/lô)	Số lượng chốt bán theo lô (tấn)	Số lượng bao tiêu (ước tính/tháng)		Đơn giá bỏ thầu lần 01 gồm VAT 10% (VND/KG)
						Min (tấn)	Max (tấn)	
29		Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm (70% hàng >2 tấn, bao gồm lõi sắt <100kg). Hàng bong tróc, nhám ổ, rách biên nặng. (Nhà máy hỗ trợ lên hàng)	Nghệ An - Đông Hội	110	130.10			
30		Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm (hàng <1 tấn, bao gồm lõi sắt <100kg). Hàng chỉ phủ sơn lót, phủ 2 mặt sơn chính giống nhau)	Nghệ An - Đông Hội	10	15.44			
31		Tôn kèm màu, lạnh màu lạnh thứ phẩm có độ dày > 0.57mm (bao gồm lõi sắt <100kg). Hàng 1 cuộn cháy sơn 2 mặt, 1 cuộn không phủ sơn)	Nghệ An - Đông Hội	10	6.75			
32		Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57 mm (44.5% hàng >1 tấn, bao gồm có lõi sắt < 100kg và 24% hàng rách Phế Phẩm xấu)	Bình Định - Nhơn Hội	50	38.96			
33		Tôn kèm màu, tôn lạnh màu, tôn phủ màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm. (bao gồm lõi sắt < 100 kg)	Phú Mỹ	140		50	100	
34		Tôn lạnh màu, tôn kèm màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm (bao gồm cả hàng gắn lõi sắt < 100 kg) (Nhà máy hỗ trợ lên hàng)	Nghệ An - Đông Hội	50		10	30	
35		Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm. (94% hàng < 1 tấn)	Bình Định - Nhơn Hội	70	46.09			
36		Tôn kèm màu, tôn lạnh màu, tôn phủ màu thứ phẩm có độ dày ≥ 0.57mm.	Phú Mỹ	50		30	60	
37	1	Thép dây mạ kẽm, thép dây mạ lạnh thứ phẩm có độ dày ≥ 0.57mm - Lô 100 tấn	Phú Mỹ	120	100			
	2	Thép dây mạ kẽm, thép dây mạ lạnh thứ phẩm có độ dày ≥ 0.57mm - Lô 150 tấn	Phú Mỹ	180	150			
	3	Thép dây mạ kẽm, thép dây mạ lạnh thứ phẩm có độ dày ≥ 0.57mm - Lô 250 tấn	Phú Mỹ	290	250			
	4	Thép dây mạ kẽm, thép dây mạ lạnh thứ phẩm có độ dày ≥ 0.57mm - Lô 300 tấn	Phú Mỹ	350	300			
38		Thép dây mạ kẽm, thép dây mạ lạnh thứ phẩm có độ dày ≥ 0.57mm (Nhà máy hỗ trợ lên hàng)	Nghệ An - Đông Hội	30		10	30	
39		Thép dây mạ kẽm, mạ lạnh thứ phẩm có độ dày ≥ 0.57mm (90% hàng > 2 tấn). Hàng quăn, rách biên nguyên cuộn.	Phú Mỹ	20	24.94			
40		Thép dây mạ kẽm thứ phẩm có độ dày ≥ 0.57mm (50% hàng < 1 tấn, bao gồm cả hàng có 2 độ dày trên cùng 1 cuộn hàng 70% hàng > 0.57mm).	Bình Định - Nhơn Hội	30	25.56			
41		Thép dây mạ lạnh thứ phẩm có độ dày ≥ 0.57mm (38% hàng > 1 tấn). Và 23% hàng nhám xỉ + Phế Phẩm xấu.	Bình Định - Nhơn Hội	20	34.90			
42		Thép cán nguội, cán nóng thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	Phú Mỹ	25		25	35	
43		Thép cán nguội thứ phẩm có độ dày < 0.57mm (bao gồm có lõi sắt < 100kg), nhà máy hỗ trợ lên hàng	Nghệ An - Đông Hội	20		10	30	
44		Thép cán nguội, thép cán nóng L2 có độ dày < 0.57mm (hàng < 2 Tấn, bao gồm cả hàng có 2 độ dày trên cùng 1 cuộn hàng, 70% có độ dày < 0.57mm)	Phú Mỹ	20		10	20	
45		Thép cán nguội L2, có độ dày < 0.57mm (Ghi chú: hàng ≥ 2 tấn, bao gồm cả hàng có 2 độ dày trên cùng 1 cuộn hàng 70% hàng < 0.57mm)	Phú Mỹ	30	41.09			
46		Thép cán nguội L2, có độ dày < 0.57mm (Ghi chú: hàng 70% ≥ 2 tấn, bao gồm hàng gấp ngang, móp biên)	Nghệ An - Đông Hội	30	29.68			

LÔ	STT	Tên hàng hóa	Nơi nhận hàng	Tiền bảo lãnh dự thầu (triệu đồng/lô)	Số lượng chốt bán theo lô (tấn)	Số lượng bao tiêu (ước tính/tháng)		Đơn giá bỏ thầu lần 01 gồm VAT 10% (VND/KG)
						Min (tấn)	Max (tấn)	
47		Thép cán nguội L2, có độ dày >0.57mm (Ghi chú: hàng ≥2 tấn, bao gồm cả hàng có 2 độ dày trên cùng 1 cuộn hàng 70% hàng < 0.57mm)	Nghệ An - Đông Hải	10	8.20			
48		Thép cán nóng, cán nguội thứ phẩm có độ dày ≥ 0.57mm	Phú Mỹ	10		5	10	
49		Thép cán nguội, cán nóng thứ phẩm có độ dày ≥ 0.57mm (Nhà máy hỗ trợ lên hàng)	Nghệ An - Đông Hải	20		10	30	
50		Thép cán nguội, thép cán nóng L2, có độ dày ≥ 0.57mm (hàng < 2 Tấn, bao gồm cả hàng có 2 độ dày trên cùng 1 cuộn hàng, 70% có độ dày ≥ 0.57mm)	Phú Mỹ	110		80	120	
51		Thép cán nguội, thép cán nóng L2, có độ dày ≥ 0.57mm (Ghi chú: hàng ≥2 tấn, bao gồm cả hàng có 2 độ dày trên cùng 1 cuộn hàng 70% hàng ≥ 0.57mm)	Phú Mỹ	35	36.25			
52	1	Thép hộp kèm thứ phẩm quy cách A1- Lô 30 tấn	VLXD Phú Mỹ	40	30			
	2	Thép hộp kèm thứ phẩm quy cách A1- Lô 50 tấn	VLXD Phú Mỹ	60	50			
	3	Thép hộp kèm thứ phẩm quy cách A1- Lô 70 tấn	VLXD Phú Mỹ	90	70			
	4	Thép hộp kèm thứ phẩm quy cách A1- Lô 90 tấn	VLXD Phú Mỹ	110	90			
	5	Thép hộp kèm thứ phẩm quy cách A1- Lô 110 tấn	VLXD Phú Mỹ	140	110			
	6	Thép hộp kèm thứ phẩm quy cách A1- Lô 130 tấn	VLXD Phú Mỹ	160	130			
	7	Thép hộp kèm thứ phẩm quy cách A1- Lô 15 tấn	Bình Định - Nhơn Hòa	20	15			
	8	Thép hộp kèm thứ phẩm quy cách A1- Lô 20 tấn	Bình Định - Nhơn Hòa	30	20			
	9	Thép hộp kèm thứ phẩm quy cách A1- Lô 25 tấn	Bình Định - Nhơn Hòa	30	25			
	10	Thép hộp kèm thứ phẩm quy cách A1- Lô 30 tấn	Bình Định - Nhơn Hòa	40	30			
	11	Thép hộp kèm thứ phẩm quy cách A1- Lô 40 tấn	Bình Định - Nhơn Hòa	50	40			
	12	Thép hộp kèm thứ phẩm quy cách A1- Lô 60 tấn	Bình Định - Nhơn Hòa	80	60			
	13	Thép hộp kèm thứ phẩm quy cách A1- Lô 80 tấn	Bình Định - Nhơn Hòa	100	80			
	14	Thép hộp kèm thứ phẩm quy cách A1- Lô 95 tấn	Bình Định - Nhơn Hòa	120	95			
53		Thép hộp kèm thứ phẩm quy cách A1	Nghệ An - Nam Cẩm	60		20	50	
54		Thép hộp kèm thứ phẩm quy cách A1	Hà Nam	110		70	90	
55		Thép hộp kèm thứ phẩm quy cách A1	Yên Bái	30		10	25	
56		Thép hộp kèm thứ phẩm quy cách A1	MTV Phú Mỹ	25		15	20	
57		Thép hộp kèm thứ phẩm	MTV Phú Mỹ	10		10	15	
58		Thép hộp kèm thứ phẩm	Nghệ An - Nam Cẩm	20		10	30	

LÔ	STT	Tên hàng hóa	Nơi nhận hàng	Tiền bảo lãnh dự thầu (triệu đồng/lô)	Số lượng chốt bán theo lô (tấn)	Số lượng bao tiêu (ước tính/tháng)		Đơn giá bỏ thầu lần 01 gồm VAT 10% (VND/KG)
						Min (tấn)	Max (tấn)	
59	1	Thép hộp kèm thứ phẩm - Lô 30 tấn	VLXD Phú Mỹ	20	30			
	2	Thép hộp kèm thứ phẩm - Lô 40 tấn	VLXD Phú Mỹ	30	40			
	3	Thép hộp kèm thứ phẩm - Lô 50 tấn	VLXD Phú Mỹ	40	50			
	4	Thép hộp kèm thứ phẩm - Lô 80 tấn	VLXD Phú Mỹ	60	80			
	5	Thép hộp kèm thứ phẩm - Lô 30 tấn	Bình Định - Nhơn Hòa	20	30			
	6	Thép hộp kèm thứ phẩm - Lô 40 tấn	Bình Định - Nhơn Hòa	30	40			
60		Thép hộp kèm thứ phẩm	Hà Nam	20		15	25	
61		Thép ống nhúng kèm thứ phẩm quy cách A1	MTV Phú Mỹ	20		15	20	
62		Thép ống nhúng kèm thứ phẩm	MTV Phú Mỹ	10		10	15	
63		Thép ống đen thứ phẩm quy cách A1	MTV Phú Mỹ	20		15	20	
64		Thép ống đen thứ phẩm	MTV Phú Mỹ	10		10	15	
65		Hộp kim nhôm (dạng xi)	Phú Mỹ	120		50	80	
66		Hộp kim nhôm (dạng xi)	Bình Định - Nhơn Hội	80		40	50	
67		Hộp kim nhôm (dạng xi) (Khách hàng tự bốc hàng lên xe)	Nghệ An - Đông Hội	60		20	40	
68		Hộp kim kèm (dạng xi)	Phú Mỹ	200		30	50	
69		Hộp kim kèm (dạng xi) (Khách hàng tự bốc hàng lên xe)	Nghệ An - Đông Hội	80		10	20	
70		Hộp kim kèm (dạng xi)	MTV Phú Mỹ	30		7	10	
71		Hộp kim kèm (dạng vụn)	MTV Phú Mỹ	50		25	28	
72		Hộp kim kèm (dạng bột)	MTV Phú Mỹ	30		5	10	
73	1	Biên thép cán nóng 5-20mm - Lô 100 tấn	Phú Mỹ	90	100			
	2	Biên thép cán nóng 5-20mm - Lô 150 tấn	Phú Mỹ	140	150			
	3	Biên thép cán nóng 5-20mm - Lô 250 tấn	Phú Mỹ	240	250			
	4	Biên thép cán nóng 5-20mm - Lô 300 tấn	Phú Mỹ	280	300			
	5	Biên thép cán nóng 5-20mm - Lô 100 tấn	Bình Định - Nhơn Hội	80	100			
	6	Biên thép cán nóng 5-20mm - Lô 150 tấn	Bình Định - Nhơn Hội	120	150			
	7	Biên thép cán nóng 5-20mm - Lô 250 tấn	Bình Định - Nhơn Hội	210	250			
	8	Biên thép cán nóng 5-20mm - Lô 100 tấn (Khách phải xâu hàng vào cầu, Nhà máy hỗ trợ lên hàng)	Nghệ An - Đông Hội	80	100			
	9	Biên thép cán nóng 5-20mm - Lô 150 tấn (Khách phải xâu hàng vào cầu, Nhà máy hỗ trợ lên hàng)	Nghệ An - Đông Hội	120	150			
	10	Biên thép cán nóng 5-20mm - Lô 250 tấn (Khách phải xâu hàng vào cầu, Nhà máy hỗ trợ lên hàng)	Nghệ An - Đông Hội	210	250			
74		Biên thép cán nóng 5-20mm	MTV Phú Mỹ	20		15	20	

LÔ	STT	Tên hàng hóa	Nơi nhận hàng	Tiền bảo lãnh dự thầu (triệu đồng/lô)	Số lượng chốt bán theo lô (tấn)	Số lượng bao tiêu (ước tính/tháng)		Đơn giá bỏ thầu lần 01 gồm VAT 10% (VND/KG)
						Min (tấn)	Max (tấn)	
75	1	Biên thép cán nóng ngoài khổ 5-20 mm - Lô 50 tấn	Phú Mỹ	40	50			
	2	Biên thép cán nóng ngoài khổ 5-20 mm - Lô 150 tấn	Phú Mỹ	130	150			
	3	Biên thép cán nóng ngoài khổ 5-20 mm - Lô 200 tấn	Phú Mỹ	180	200			
76		Biên thép cán nóng ngoài khổ 5-20 mm	MTV Phú Mỹ	20		15	20	
77		Biên thép cán nóng ngoài khổ 5-20 mm	Bình Định - Nhơn Hội	80		70	100	
78		Thép thứ phẩm (dạng dầm bảo)	Bình Định - Nhơn Hòa	20		15	30	
79		Thép thứ phẩm (dạng dầm bảo)	Hà Nam	5		6	8	

Ghi chú:

1. Bên Dự thầu đã đọc kỹ tất cả nội dung trong Hồ sơ Mời thầu Số 01-PPPL/09.20/HSG, ngày 23 tháng 09 năm 2020 của Bên Mời thầu (Hoa Sen Group và các nhà máy trực thuộc Hoa Sen Group) và cam kết thực hiện đúng theo các nội dung đề cập trong Hồ sơ Mời thầu.

2. Bên Dự thầu đề nghị giá thầu cho từng loại hàng hoá như sau:

- Đơn giá trên đã bao gồm VAT 10% và không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng.
- Đơn giá chào thầu hợp lệ của các đơn vị cho từng mặt hàng là đơn giá chào phải làm tròn hàng đơn vị 0 đồng và sẽ không được chào giá lại mặt hàng đã chào giá không hợp lệ.
- Các nhà máy của Hoa Sen sẽ thay đổi quy trình vào/ra cổng bảo vệ có lắp đặt phần mềm kiểm tra ngẫu nhiên khi xe vào/ra lấy hàng. Vì vậy, khi xe của Quý khách hàng được ngẫu nhiên lựa chọn, vui lòng hợp tác và phối hợp chặt chẽ với Nhà máy để công tác kiểm soát hàng hóa trên xe được nhanh chóng, chính xác, và theo đúng quy định của Nhà máy.
- Đối với những mặt hàng Thứ phẩm, phụ phẩm chốt bán theo lô thì dung sai nhận hàng $\pm 5\%$.
- Đối với các mặt hàng Thứ phẩm, phụ phẩm (các mặt hàng bao tiêu), Bên dự thầu nhận hàng tồn kho trước ngày 01/10/2020 và hàng phát sinh đến hết ngày 31/10/2020, thời gian nhận hàng từ 05/10/2020 đến 05/11/2020.
- Đối với các mặt hàng Thứ phẩm, Phụ phẩm chào theo lô, Bên dự thầu nhận hàng tồn kho đến hết ngày 31/10/2020, thời gian nhận hàng từ 01/10/2020 đến 31/10/2020.
- Số lượng: Căn cứ vào trọng lượng thực tế qua cân tại nhà máy Bên Bán đối với hàng Thứ phẩm, phụ phẩm.
- Xuất xứ: Hoa Sen Group/Nhà máy HSPM/VLXD Hoa Sen/Nhà máy HSNA (Đông Hội)/Nhà máy HSNA (Nam Cẩm)/Nhà máy HS Bình Định/HS Hà Nam/HS Yên Bái/MTV HS Phú Mỹ.
- Đơn vị trúng thầu nếu không tiến hành ký hợp đồng, nhận hàng theo thời hạn quy định sẽ bị thu cọc của lô hàng đó theo quy định của Hoa Sen.

TP.HCM, ngày ... tháng ... năm 2020
Bên dự thầu
(Ký, họ tên)